

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Đề án “Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024 - 2030”

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/12/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 06/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/8/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1163/SNN-QLCL ngày 17/4/2024; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của Thành viên UBND tỉnh (thực hiện trên hệ thống điện tử TD và văn bản giấy).

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phê duyệt Đề án “Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024 - 2030” với các nội dung sau:**

##### I. Quan điểm

1. Phát triển nông nghiệp hữu cơ là nhiệm vụ quan trọng trong Tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh cần kiên trì triển khai thực hiện, ưu tiên nguồn lực và tập trung chỉ đạo để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất.

2. Phát triển nông nghiệp hữu cơ phải lấy thị trường làm mục tiêu gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, kinh tế tuần hoàn góp phần phát triển du lịch sinh thái, hình thành một nền nông nghiệp đa giá trị.

3. Phát triển nông nghiệp hữu cơ ở các quy mô, cấp độ từ hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhằm tạo ra thực phẩm hữu cơ, môi trường an toàn cho người nông dân và sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao. Ưu tiên, lựa chọn các tập đoàn, doanh nghiệp có liên kết chuỗi sản phẩm để đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị trên cơ sở huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các nhà quản lý, nhà khoa học các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Việc triển khai thực hiện Đề án cần phải gắn với Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”, Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP... và các Đề án, Chương trình và Kế hoạch liên quan do Trung ương và Tỉnh ban hành.

## **II. Mục tiêu**

### **1. Mục tiêu tổng quát.**

- Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần ổn định đời sống cho người dân trên địa bàn. Đồng thời nâng cao năng lực, khả năng tổ chức sản xuất, sức cạnh tranh trong chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông sản của Tỉnh gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn và tái cơ cấu toàn diện ngành nông nghiệp.

- Phát triển sản xuất và chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ cho các loại cây trồng vật nuôi có thể mạnh của Tỉnh nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp an toàn, sản phẩm hàng hóa, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ; áp dụng các quy trình sản xuất, chế biến hữu cơ tiên tiến, hiện đại để kiểm soát tốt các nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 2,0 - 2,5% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng 2,0% tổng diện tích trồng trọt với các cây trồng chủ lực lúa, rau các loại, cây ăn quả,... với quy mô 2.500 ha;

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ khoảng 2% trên tổng sản phẩm chăn nuôi với các sản phẩm có tiềm năng lợi thế: mật ong, nhung hươu, thịt các loại (lợn, bò, dê, gia cầm ...);

- Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ: nuôi tôm hữu cơ đạt khoảng 2-3% tổng diện tích nuôi tôm với sản phẩm chủ yếu là tôm sú.

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 1,0 ha đất trồng trọt hữu cơ cao gấp 1,7 - 2 lần so với phi hữu cơ.

## **III. Nhiệm vụ thực hiện Đề án**

### **1. Lựa chọn vùng, đối tượng để chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa**

Trên cơ sở đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và các quy hoạch của địa phương, đồng thời căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, các địa phương tiến hành điều tra, khảo sát, lựa chọn vùng để đưa vào chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhằm hình thành các vùng sản xuất hàng hóa gắn với tiêu thụ sản phẩm.

### **1.1. Tiêu chí theo quy định.**

a) Các tiêu chí bắt buộc: là nhóm tiêu chí dựa trên các quy định và TCVN bắt buộc phải đáp ứng đối với các vùng sản xuất hữu cơ, trong đó tập trung vào các yêu cầu về quy hoạch (quy hoạch sản xuất tập trung, ổn định, quy hoạch vùng sản xuất an toàn, hữu cơ), điều kiện môi trường sản xuất (không gần vùng có nguy cơ ô nhiễm, điều kiện đất nước đạt các TCVN), gồm:

- Thuộc vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp ổn định, đã hoặc đang hình thành vùng sản xuất nông sản an toàn/sản xuất hữu cơ hoặc theo hướng hữu cơ;

- Cách xa các vùng ô nhiễm tự nhiên và ô nhiễm do các hoạt động kinh tế (bệnh viện, khu công nghiệp, khu chứa rác thải, nghĩa trang, khu đông dân cư,...) tối thiểu 500 m;

- Phải có vùng đệm hoặc hàng rào vật lý tách biệt với các khu vực khác. Nằm trong vùng an toàn dịch bệnh hoặc vùng có tỷ lệ tiêm phòng các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm đạt 80%;

- Việc chuyển đổi đồng cỏ hoặc vùng đất dự kiến dùng để trồng cây làm thức ăn chăn nuôi phải phù hợp với 5.1.2 của TCVN 11041-2:2017;

- Chất lượng đất đáp ứng yêu cầu tại QCVN 03:2023/BTNMT;

- Chất lượng nước mặt đáp ứng yêu cầu tại QCVN 08:2023/BTNMT;

- Chất lượng nước dưới đất đáp ứng yêu cầu tại QCVN 09:2023/BTNMT;

b) Các tiêu chí ưu tiên (không bắt buộc): là các tiêu chí cần thiết đối với sản xuất hữu cơ nhưng có thể cải thiện được trong quá trình sản xuất, gồm:

- Lịch sử sản xuất có mức độ đầu tư thâm canh thấp, ít sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;

- Có vùng đệm được sản xuất bởi đối tượng cây trồng hoặc không cùng điều kiện canh tác với cây trồng dự kiến phát triển; có vùng đệm được sản xuất chăn nuôi bởi đối tượng vật nuôi khác với vật nuôi dự kiến phát triển chăn nuôi hữu cơ;

- Có ranh giới rõ ràng, thuận tiện cho việc khoanh vùng và hạn chế sự xâm nhập của các tác nhân ô nhiễm từ bên ngoài qua nguồn nước, giao thông và các hoạt động kinh tế khác;

- Có hệ thống tưới tiêu chủ động độc lập, không xảy ra ngập úng;

- Có điều kiện thời tiết, khí hậu phù hợp với đối tượng cây trồng dự kiến quy hoạch vùng sản xuất hữu cơ;

### **1.2. Định hướng lựa chọn vùng, đối tượng.**

#### **1.2.1. Vùng trồng trọt.**

Ưu tiên lựa chọn các vùng sản xuất đã có sản phẩm chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, lựa chọn các loại cây trồng có lợi thế, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường để sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

Lựa chọn các vùng sản xuất phù hợp để phát triển nông nghiệp hữu cơ, ưu

tiên phát triển các vùng sản xuất đã có sản phẩm chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, đã có các mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ... có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi phù hợp với đối tượng cây trồng chủ lực (lúa gạo, rau các loại, cây ăn quả, chè...), thực hiện chuyển đổi sang sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ và phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ. Tổng diện tích canh tác nông nghiệp hữu cơ lĩnh vực trồng trọt đến năm 2030 đạt khoảng 2.500 ha, trong đó:

- Vùng sản xuất lúa hữu cơ, diện tích canh tác khoảng 1.350 ha. Tập trung tại các địa phương: Đức Thọ, Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh,.....

- Vùng sản xuất rau, quả hữu cơ, diện tích canh tác khoảng 100 ha. Tập trung tại các địa phương: Thạch Hà, Can Lộc, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh,.....

- Vùng sản xuất cây ăn quả hữu cơ, diện tích canh tác khoảng 800 ha. Tập trung tại các địa phương: Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Can Lộc,...

- Vùng sản xuất chè hữu cơ diện tích khoảng 250 ha. Tập trung tại Sơn Kim 2, Sơn Tây huyện Hương Sơn; Hương Trà huyện Hương Khê; Kỳ Trung, Kỳ Thượng, Kỳ Tây huyện Kỳ Anh.

*(Chi tiết theo phụ lục 01)*

*1.2.2. Vùng chăn nuôi:* lựa chọn xây dựng các mô hình chăn nuôi hữu cơ, theo hướng hữu cơ, chăn nuôi theo tiêu chuẩn quy chuẩn, chăn nuôi an toàn với các loại vật nuôi: lợn, bò, gia cầm, hươu, ong, dê ...; ưu tiên lựa chọn các cơ sở chăn nuôi, trang trại chăn nuôi gắn với các vùng sản xuất phù hợp để phát triển nông nghiệp hữu cơ, ưu tiên phát triển các vùng sản xuất đã có cây thức ăn (rau xanh, cỏ, lúa, ngô... ) làm nguồn nguyên liệu thức ăn cho chăn nuôi. Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ, theo hướng hữu cơ, chăn nuôi tiêu chuẩn, chăn nuôi an toàn đạt khoảng 2% tổng sản phẩm chăn nuôi vào năm 2030, trong đó:

- Chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, hữu cơ, đạt tiêu chuẩn, an toàn tập trung tại các địa phương: Cẩm Xuyên, Vũ Quang, Can Lộc, Thạch Hà, Kỳ Anh,.....; trong đó phát triển các cơ sở chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, hữu cơ với quy mô nông hộ, trang trại nhỏ gắn theo chuỗi liên kết (từ chăn nuôi đến tiêu thụ sản phẩm) với doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Chăn nuôi bò theo hướng hữu cơ, hữu cơ, đạt tiêu chuẩn: gắn với các vùng trồng trọt hữu cơ (trồng cỏ, trồng lúa, trồng ngô,...) tạo vùng nguyên liệu thức ăn cho chăn nuôi. Tập trung tại các địa phương: Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh,.....

- Chăn nuôi gia cầm theo hướng hữu cơ, hữu cơ: tập trung phát triển tại các vùng đồi như Hương Khê, Vũ Quang, Đức Thọ, Hương Sơn, Can Lộc, ... gắn với vùng sản xuất trồng trọt (ngô, lúa) hữu cơ, tạo mô hình chăn nuôi tuần hoàn, hữu cơ; tạo chuỗi chăn nuôi gà thịt hữu cơ, trứng gà hữu cơ.

- Chăn nuôi hươu, dê theo hướng hữu cơ, hữu cơ: tập trung phát triển tại Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Can Lộc, Kỳ Anh... những vùng có lợi thế về phát triển các loại vật nuôi, nguồn thức ăn phong phú.

- Chăn nuôi ong mật theo hướng hữu cơ, hữu cơ: tập trung phát triển tại

Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Can Lộc, ... những vùng có lợi thế về nguồn thức ăn cho ong, diện tích vườn, rừng rộng lớn; định hướng chăn nuôi ong tạo sản phẩm mật ong hữu cơ, gắn với du lịch sinh thái vùng Vườn quốc gia Vũ Quang.

*(Chi tiết theo phụ lục 02)*

### 1.2.3. Vùng nuôi trồng thủy sản

Lựa chọn xây dựng các vùng nuôi tôm hữu cơ, ưu tiên phát triển các vùng sản xuất đã có sản phẩm chứng nhận VietGAP hoặc có các mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ,... thực hiện chuyển đổi sang sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ và phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ.

Tổng diện tích nuôi tôm hữu cơ đến năm 2030 đạt khoảng 2-3% tổng diện tích nuôi tôm (khoảng 75 ha) chủ yếu tôm sú, tập trung tại các vùng nuôi ao đất trên địa bàn các huyện, thị xã ven biển và thành phố Hà Tĩnh.

Trên cơ sở các vùng, các đối tượng đã được định hướng, các địa phương tạo điều kiện thuận lợi, đồng hành hỗ trợ kêu gọi các thành phần kinh tế điều tra khảo sát xây dựng dự án, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể; xin ý kiến các ngành, lĩnh vực liên quan để triển khai thực hiện.

*(Chi tiết theo Phụ lục 03)*

## 2. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị làm nơi tham quan, học tập kinh nghiệm để nhân ra diện rộng.

**2.1. Trồng trọt:** xây dựng 20 mô hình, gồm: 05 mô hình sản xuất lúa (10 - 20 ha/mô hình) tại các huyện Đức Thọ, Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh; 04 mô hình trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, nuôi rươi (trên 2ha/mô hình) tại các địa phương Đức Thọ, thành phố Hà Tĩnh, Kỳ Anh, TX Hồng Lĩnh; 04 mô hình trồng cây ăn quả (từ 05 - 10ha/mô hình), tại các huyện Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Can Lộc; 04 mô hình sản xuất rau (5.000 - 10.000 m<sup>2</sup>/mô hình) tại các huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Đức Thọ; 03 mô hình sản xuất chè (03 - 05 ha/mô hình) tại các huyện Kỳ Anh, Hương Sơn, Hương Khê *(chi tiết theo Phụ lục 04)*.

**2.2. Chăn nuôi:** xây dựng các mô hình chăn nuôi hữu cơ, theo hướng hữu cơ, thực hiện hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật chuyển đổi sang sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ và phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ, với 35 mô hình chăn nuôi theo hướng hữu cơ, gồm: 20 mô hình chăn nuôi lợn (10 - 100 con/mô hình); 05 mô hình chăn nuôi bò (10 - 50 con/mô hình); 10 mô hình chăn nuôi gia cầm (100 - 1000 con/mô hình); 05 mô hình chăn nuôi hươu (quy mô 10 - 50 con/mô hình); 05 mô hình chăn nuôi dê (quy mô 10 - 50 con/mô hình) và 05 mô hình nuôi ong mật (quy mô 10 - 100 đàn/mô hình) *(chi tiết theo Phụ lục 04)*.

### 2.3. Nuôi trồng thủy sản

Xây dựng, thực hiện các mô hình tôm sú quảng canh cải tiến hữu cơ, thực hiện hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật chuyển đổi sang sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ và phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ (05 mô hình với quy mô 01ha/mô hình) *(chi tiết theo Phụ lục 04)*.

### **3. Đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

- Đối tượng đào tạo, tập huấn: cán bộ cốt cán từ tỉnh đến cơ sở; cán bộ quản lý của các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp; đào tạo nghề cho người lao động theo các mô hình, dự án cụ thể.

- Nội dung: kiến thức chung về nông nghiệp hữu cơ, kỹ thuật sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất phân hữu cơ từ phụ phẩm, xây dựng nhãn hiệu, ...

### **4. Hình thành hệ thống cung ứng vật tư đầu vào và dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

- Kêu gọi các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia khảo sát, lựa chọn địa điểm phù hợp, lập dự án đầu tư, xây dựng tổ hợp nhà máy sản xuất cung ứng vật tư đầu vào, phục vụ sản xuất hữu cơ gắn với thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản và kinh doanh sản phẩm hữu cơ quy mô khoảng 10 - 15 ha.

Quan tâm hỗ trợ giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư; hỗ trợ các hạng mục ngoài hàng rào: hạ tầng về điện, giao thông, nước... phục vụ sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ và áp dụng các chính sách hiện hành khác.

- Hình thành và phát triển mô hình cộng đồng, thu gom, tái sử dụng phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, chất thải chăn nuôi đem ủ phân compost hoặc xử lý bằng sản phẩm vi sinh vật, tạo nguồn nguyên liệu để sản xuất phân bón hữu cơ. Thiết kế các modul về xử lý để hướng dẫn cho cộng đồng xây dựng và thực hiện.

### **5. Xây dựng hệ thống kiểm soát chứng nhận nông nghiệp hữu cơ**

Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh được chứng nhận bởi tổ chức tư vấn có đủ điều kiện đánh giá, chứng nhận độc lập theo quy định; hoặc các tổ chức chứng nhận cộng đồng có sự tham gia của nông dân, người bán hàng, người tiêu dùng, chính quyền địa phương và các sở ngành liên quan do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì nghiên cứu các tiêu chuẩn hiện hành để đánh giá, chứng nhận nhằm giảm chi phí.

### **6. Chế biến sản phẩm, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm**

- Rà soát, củng cố các cơ sở để đáp ứng tiêu chuẩn chế biến sản phẩm hữu cơ; ưu tiên, lựa chọn các sản phẩm có lợi thế hiện có để chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ: chế biến gạo hữu cơ, tinh bột gạo hữu cơ dinh dưỡng, sản phẩm nhung hươu hữu cơ, các sản phẩm chế biến từ thịt lợn hữu cơ... trên cơ sở xây dựng chuỗi liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với người dân, có sự tham gia quản lý của nhà nước; có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến gạo gắn với vùng sản xuất lúa trọng điểm, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở chế biến nhung hươu, cơ sở sản xuất tinh bột gạo hữu cơ dinh dưỡng, kết nối các cơ sở chế biến giò chả OCOP của tỉnh sử dụng nguyên liệu thịt

lợn hữu cơ để chế biến sản phẩm.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như HACCP, GMP, ISO,... nâng cao năng lực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong quá trình chế biến các sản phẩm hữu cơ.

- Phát triển các cửa hàng kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; kết nối, đưa các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào các cửa hàng OCOP, các siêu thị trên địa bàn tỉnh và một số tỉnh bạn.

- Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại và giao lưu khách hàng bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, kết nối thị trường nông sản hữu cơ của Tỉnh với chuỗi cung ứng nông sản hữu cơ trong và ngoài nước. Đẩy nhanh việc cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc để đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu và xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm hữu cơ chủ lực, quan trọng và đặc sản của Tỉnh.

- Tăng cường chuyển đổi số và thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Tổ chức các hội nghị, diễn đàn kết nối thị trường, đa dạng hóa các kênh phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; đưa vào các kênh phân phối tại hệ thống các siêu thị, sàn thương mại điện tử, cửa hàng tiện ích và chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn, các nhà hàng phục vụ khách du lịch và từng bước định hướng xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm và xây dựng thương hiệu nông lâm thủy sản.

- Nâng cao năng lực hệ thống thông tin, dự báo thị trường, cung cấp kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp và người dân để điều chỉnh sản xuất phù hợp; tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối, tiêu thụ; kết nối giữa thị trường trong nước với quốc tế. Thu hút, khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ theo chuỗi liên kết tại các vùng sản xuất tập trung; các sản phẩm đặc sản bản địa khai thác từ tự nhiên. Mời gọi các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh sản phẩm nông nghiệp an toàn, sản phẩm có chứng nhận để hỗ trợ liên kết tiêu thụ đối với những sản phẩm từ các mô hình.

#### **IV. Giải pháp**

##### **1. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền để làm chuyển biến căn bản nhận thức của cả hệ thống về nông nghiệp hữu cơ**

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ, từng bước thay đổi nhận thức về sản xuất truyền thống, tiến đến nền nông nghiệp hữu cơ an toàn, bền vững. Triển khai sâu, rộng cho người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng nắm bắt các nội dung của Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024 - 2030.

- Tuyên truyền, hướng dẫn thực thi các chính sách, pháp luật liên quan đến nông nghiệp hữu cơ, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Các cấp, các ngành và các tổ chức chính trị - xã hội phải xác định việc phát triển nông nghiệp hữu cơ là một nội dung quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp của địa phương và của Tỉnh.

- Đổi mới và đa dạng các hình thức tuyên truyền, xây dựng các chuyên đề, phóng sự hàng tháng phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, kịp thời biểu dương những mô hình làm tốt, cách làm hay để nhân rộng.

- Tổ chức các cuộc hội thảo, tham quan học tập kinh nghiệm để học hỏi, rút kinh nghiệm nhằm tăng cường nhận thức về nông nghiệp hữu cơ cho các đối tượng liên quan.

## **2. Đầu tư hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

- Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật theo hướng ứng dụng công nghệ cao sản xuất hữu cơ gắn với chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào, giảm phát thải nhà kính;

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các chế phẩm sinh học; phân hữu cơ sinh học; thuốc phòng, chống dịch bệnh sinh học cho cây trồng, vật nuôi và thủy sản phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ;

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng độ phì nhiêu đất, nhu cầu dinh dưỡng cho các cây trồng chủ lực phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững; Tiếp tục triển khai Đề tài “Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu để khoanh vùng và phát triển trồng trọt hữu cơ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh” làm cơ sở khoa học thu hút các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh;

- Bảo tồn, phục tráng, khai thác, phát triển và xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các giống cây trồng, vật nuôi bản địa, đặc hữu, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao;

- Nghiên cứu chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản phù hợp với sản xuất hữu cơ;

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào lĩnh vực sản xuất và quản lý nông nghiệp hữu cơ, như: Internet vạn vật (IoT), blockchain, bigdata vào truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ, điều phối các hoạt động từ sản xuất, phân phối đến tiêu thụ sản phẩm....

## **3. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm phù hợp**

- Tiếp tục đẩy mạnh đồn điền đổi thửa, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản hữu cơ, phát triển các mô hình điểm cửa hàng tiêu thụ sản phẩm hữu cơ gắn với sản phẩm OCOP;

- Soát xét tái cơ cấu các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp hiện có để đảm bảo đủ năng lực tổ chức sản xuất; hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã mới trên tinh thần tự nguyện, đúng bản chất, hợp tác liên kết với các doanh nghiệp để phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị;



- Định hướng sản xuất, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò vừa hỗ trợ đầu vào vừa thu mua, bao tiêu, sơ chế, chế biến sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng, xây dựng thương hiệu nông sản, khép kín chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn; người nông dân là chủ thể xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ;

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, mô hình chuỗi giá trị đối với một số sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của tỉnh để giới thiệu, khuyến khích các hộ sản xuất nông nghiệp tham gia học tập, làm theo;

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại; kết nối khách hàng, thị trường nông sản hữu cơ của Tỉnh với chuỗi cung ứng nông sản hữu cơ trong và ngoài nước bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, phát huy các giải pháp ứng dụng thương mại điện tử trong giao thương, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ thông tin về chủng loại, chất lượng sản phẩm, giá cả, thị trường giữa người sản xuất với người kinh doanh và người tiêu dùng; kết nối, đưa sản phẩm nông nghiệp hữu cơ lên các sàn thương mại điện tử, thiết lập kênh phân phối trực tuyến; lựa chọn các sản phẩm đặc sản, có lợi thế cạnh tranh để hỗ trợ xúc tiến, xuất khẩu sang một số thị trường khu vực, thị trường có tiềm năng.

Hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở sản xuất nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ tham gia hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh nhằm mục đích quảng bá, giới thiệu và tìm đầu ra cho sản phẩm.

Song song với đó, đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ nông sản hữu cơ tại chỗ, trọng tâm là thông qua việc hợp đồng cung cấp nông sản hữu cơ cho các siêu thị lớn, chuỗi hệ thống cửa hàng Winmart+, CO.OP FOOD, cửa hàng tiện ích và các khách sạn, nhà hàng, trường học, bếp ăn bán trú... trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Tăng cường quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ**

- Tăng cường quản lý trên lĩnh vực sản xuất, đảm bảo đúng đối tượng, quy trình, tiêu chuẩn, các loại vật tư đầu vào được sử dụng,... nhằm đảm bảo sản xuất hữu cơ theo đúng theo quy định;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng các loại giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và sản phẩm đã được chứng nhận theo quy định;

- Định kỳ, cơ quan chức năng tổ chức lấy mẫu đất, mẫu nước, mẫu sản phẩm để đánh giá sự chuyển hóa của chất lượng đất, nước và sản phẩm đảm bảo chất lượng phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện chính sách theo đúng quy định. Thường xuyên rà soát, đánh giá mức độ hấp thu chính sách, từ đó nghiên cứu đề xuất giải pháp sửa đổi chính sách

phù hợp với tình hình thực hiện, thực sự mang lại hiệu quả.

- Hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho nhà đầu tư phát triển sản xuất, nhất là vấn đề đất đai.

## **5. Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Giai đoạn từ nay đến hết năm 2025:

Tiếp tục triển khai chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh.

Triển khai xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên các lĩnh vực để đánh giá rút kinh nghiệm từ đó xây dựng bổ sung hoàn thiện chính sách diện rộng cho giai đoạn tới. Nguồn kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách (cấp tỉnh, cấp huyện) được lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên thực hiện theo chương trình Khoa học, Khuyến nông.

- Giai đoạn 2026 - 2030: cùng với rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách khuyến khích nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, xây dựng chính sách cho giai đoạn 2026-2030, trong đó sẽ tiến hành xây dựng, đề xuất chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ.

## **V. Kinh phí thực hiện**

### **1. Nguồn kinh phí**

- Nguồn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước;

- Nguồn lồng ghép từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông, các dự án ODA và chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan;

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **2. Bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí**

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của Đề án thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Đề án: hàng năm, căn cứ nhiệm vụ cụ thể được phân công, các Sở, ban, ngành xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính rà soát, tổng hợp, tham mưu phân bổ để thực hiện.

- Các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn để triển khai thực hiện Đề án tại địa phương mình.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Là cơ quan Thường trực, chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án; chủ động rà soát, tham mưu nội dung, lộ trình, mô hình cụ thể đưa vào kế hoạch sản xuất và các đề án mùa vụ hàng năm để chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai có hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn thực hiện các nội dung Đề án được phê duyệt; tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các địa phương và các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh áp dụng các quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn nông nghiệp hữu cơ vào sản xuất nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Hàng năm, soát xét nhu cầu đăng ký xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tổng hợp dự toán nguồn ngân sách tỉnh gửi Sở Tài chính tham mưu phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện Đề án;

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng các loại giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và sản phẩm đã được chứng nhận theo quy định; định kỳ, tổ chức lấy mẫu đất, mẫu nước, mẫu sản phẩm để đánh giá sự chuyển hóa của chất lượng đất, nước và sản phẩm đảm bảo chất lượng phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;

- Kiểm tra việc thực hiện Đề án tại các huyện, thành phố, thị xã; thanh kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về chất lượng vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất hữu cơ, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc của các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ trên địa bàn theo phân công, phân cấp;

- Phối hợp với Sở Công Thương triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm tại các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ; quảng bá hình ảnh, thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được chứng nhận;

- Tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án; là đầu mối tổng hợp các thông tin về sản xuất nông nghiệp hữu cơ để báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định. Đồng thời tham mưu UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

### **2. Sở Công Thương**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được sản xuất trên địa bàn; hỗ trợ kết nối, tiêu thụ, đưa sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào các kênh phân phối như siêu thị, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn ...;

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hình thành các điểm giới thiệu và bán sản phẩm hữu cơ, tạo điều kiện cho

sản phẩm hữu cơ lưu thông trên thị trường.

**3. Sở Tài chính:** hàng năm, trên cơ sở Đề án được phê duyệt, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Đề án phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

#### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công; hướng dẫn việc lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Đề án;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ; hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư các dự án vào lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ.

#### **5. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì tham mưu các hoạt động liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nói chung và nông nghiệp hữu cơ nói riêng trên địa bàn;

- Xây dựng và vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, quản lý thông tin sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi sản xuất, cung ứng trên địa bàn;

- Hướng dẫn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng mã số, mã vạch và tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định.

**6. Sở Tài nguyên và Môi trường:** phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện các yêu cầu về sử dụng, khai thác có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, lồng ghép công tác bảo tồn với phát triển nông nghiệp hữu cơ; đề xuất các biện pháp thúc đẩy tái chế, tái sử dụng chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

#### **7. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Hướng dẫn cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về phát triển nông nghiệp hữu cơ; tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ;

- Tổ chức tập huấn, đào tạo các chương trình thúc đẩy chuyển đổi số và bán hàng hiệu quả trên sàn thương mại điện tử cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các huyện, thành phố thị xã tuyên truyền Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024-2030; các quy định về quản lý, chính sách hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ của Trung ương, của Tỉnh để các các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

**8. Cục Quản lý thị trường tỉnh:** phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức phòng, chống, xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật trong sản xuất, buôn bán sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa tỉnh.

**9. Các Sở, ban, ngành liên quan:** căn cứ chức năng, nhiệm vụ tích cực, chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Đề án, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

### **10. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xây dựng cơ chế chính sách tín dụng hỗ trợ ngành nông nghiệp thực hiện Đề án này trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tập trung ưu tiên nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn, đặc biệt ưu tiên các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ có hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi cho các khách hàng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng với lãi suất hợp lý, đảm bảo tuân thủ đúng quy định; thường xuyên kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng bảo đảm có hiệu quả và hạn chế rủi ro.

**11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội:** trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; phối hợp xây dựng, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hay, kinh nghiệm tốt trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ của tỉnh.

### **12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã**

- Căn cứ nội dung của Đề án, hàng năm xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn theo chuỗi giá trị để phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương;

- Xác định rõ đối tượng, quy mô, vùng sản xuất ưu tiên phát triển sản xuất hữu cơ phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng, điều kiện canh tác để tạo thương hiệu, giá trị và định hướng thị trường tiêu thụ;

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và người dân trên địa bàn tham gia thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ;

- Chủ trì xây dựng, thực hiện và nhân rộng các mô hình hữu cơ, các điểm giới thiệu và bán sản phẩm hữu cơ; đồng thời hỗ trợ hướng dẫn chứng nhận sản phẩm hữu cơ trên địa bàn. Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp hữu cơ. Ưu tiên bố trí nguồn ngân sách địa phương, thông qua chương trình, kế hoạch khuyến nông hàng năm và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để xây dựng, nhân rộng các mô

hình; đầu tư, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh phát triển các sản phẩm hữu cơ;

### **13. Đề nghị các hội, hiệp hội ngành hàng và tổ chức nghề nghiệp**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng; tham gia đào tạo, tập huấn, giám sát các hội viên sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ theo quy định của pháp luật;

- Đề xuất các dự án đầu tư sản xuất phù hợp với nội dung, mục tiêu của Đề án, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

*(Chi tiết theo Phụ lục 05)*

\* **Chế độ thông tin và báo cáo:** các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án này, định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6), năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra; tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; | (B/c)
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; |
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL<sub>5</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Lĩnh**

**Phụ lục 01**

**ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2024 - 2030**

*Đơn vị tính: ha*

TT	Huyện/TP/TX	Tổng	Đến năm 2030			
			Lúa	Cây ăn quả	Rau	Chè
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>2.500</b>	<b>1.350</b>	<b>800</b>	<b>100</b>	<b>250</b>
1	TP Hà Tĩnh	60	50		10	
2	Kỳ Anh	336	200	20	16	100
3	Cẩm Xuyên	265	250		15	
4	Lộc Hà	55	50		5	
5	Can Lộc	430	260	150	20	
6	Thạch Hà	240	200	20	20	
7	Đức Thọ	320	300	10	10	
8	Hương Sơn	310	10	200		100
9	Hương Khê	262	10	200	2	50
10	Vũ Quang	205	5	200		
11	TX Hồng Lĩnh	10	10			
12	TX Kỳ Anh	0				
13	Nghi Xuân	7	5		2	

**Phụ lục 02**  
**ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ**  
**LĨNH VỰC CHĂN NUÔI TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2024-2030**

*Đơn vị tính: mô hình*

TT	Huyện/TP/TX	Đến năm 2030				
		Tổng	Lợn	Bò	Gia cầm	Đối tượng khác
		37	20	5	10	2
1	Kỳ Anh	2	2			
2	Thị xã Kỳ Anh	0				
3	Cẩm Xuyên	8	5		3	
4	TP. Hà Tĩnh	1		1		
5	Thạch Hà	5	5			
6	Lộc Hà	6	2	3	1	
7	Nghi Xuân	0				
8	TX. Hồng Lĩnh	0				
9	Đức Thọ	0				
10	Can Lộc	6	5	1		
11	Vũ Quang	4			4	
12	Hương Sơn	5	1		2	2
13	Hương Khê	0				



**PHỤ LỤC 03**  
**ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ**  
**LĨNH VỰC THỦY SẢN TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2024-2030**

*Đơn vị tính: ha*

TT	Huyện/TP/TX	Đến năm 2030	
		Tổng	Tôm
		75	75
1	Kỳ Anh	5	5
2	Thị xã Kỳ Anh	8	8
3	Cẩm Xuyên	3	3
4	TP. Hà Tĩnh	8	8
5	Thạch Hà	11	11
6	Lộc Hà	10	10
7	Nghi Xuân	30	30

**PHỤ LỤC 04****DANH MỤC CÁC MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN  
ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TỈNH HÀ TĨNH 2024 - 2030**

<b>TT</b>	<b>Tên mô hình</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Đơn vị tham gia thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>Mô hình sản xuất hữu cơ trong lĩnh vực trồng trọt</b>					
1	Mô hình sản xuất lúa hữu cơ	10 ha	Khánh Vĩnh Yên, Can Lộc	UBND huyện Can Lộc	Chi cục TTBVTV	
2	Mô hình sản xuất lúa hữu cơ	20 ha	Lâm Trung Thủy, Đức Thọ	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Đức Thọ, Chi cục TTBVTV	
3	Mô hình sản xuất lúa hữu cơ	20 ha	Cẩm Bình, Cẩm Xuyên	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Cẩm Xuyên, Chi cục TTBVTV	
4	Mô hình sản xuất lúa hữu cơ	20 ha	Thạch Sơn, Thạch Hà	UBND huyện Thạch Hà	Chi cục TTBVTV	
5	Mô hình sản xuất lúa hữu cơ	20 ha	Kỳ Phú, Kỳ Anh	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Kỳ Anh, Chi cục TTBVTV	
6	Mô hình lúa rươi	20 ha	Kỳ Khang, Kỳ Anh	UBND huyện Kỳ Anh	Chi cục TTBVTV	Doanh nghiệp
7	Mô hình lúa rươi	20 ha	Yên Hồ, Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	Chi cục TTBVTV	
8	Mô hình lúa rươi	5 ha	Thạch Bình, thành phố Hà Tĩnh	UBND TP Hà Tĩnh	Chi cục TTBVTV	
9	Mô hình lúa rươi	12,3 ha	Trung Lương – TX Hồng Lĩnh	UBND TX Hồng Lĩnh	Chi cục TTBVTV	

10	Mô hình sản xuất cam	10 ha	Kim Hoa, Hương Sơn	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Hương Sơn, Chi cục TTBVTV	
11	Mô hình bưởi Phúc Trạch	10 ha	Hương Trạch, Hương Khê	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Hương Khê, Chi cục TTBVTV	
12	Mô hình sản xuất cam	5 ha	Đức Lĩnh, Vũ Quang	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Vũ Quang, Chi cục TTBVTV	
13	Mô hình sản xuất cam	10 ha	Sơn Trường, Hương Sơn	UBND huyện Hương Sơn	Chi cục TTBVTV	
14	Mô hình sản xuất rau	5 ha	Đồng Môn, TP Hà Tĩnh	UBND TP Hà Tĩnh	Chi cục TTBVTV	
15	Mô hình sản xuất rau, củ, quả	4 ha	Yên Hòa, Cẩm Xuyên	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Cẩm Xuyên, Chi cục TTBVTV	
16	Mô hình sản xuất rau, củ, quả (đưa hấu)	5 ha	Kỳ Văn, Kỳ Anh	UBND huyện Kỳ Anh	Chi cục TTBVTV	
17	Mô hình sản xuất rau, củ, quả	2 ha	Tượng Sơn, Thạch Hà	UBND huyện Thạch Hà	Chi cục TTBVTV	
18	Mô hình chè	5 ha	Sơn Kim 2, Hương Sơn	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Hương Sơn, Chi cục TTBVTV	Xí nghiệp chè Tây Sơn
19	Mô hình chè	5 ha	Kỳ Tây, Kỳ Anh	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Kỳ Anh, Chi cục TTBVTV	Xí nghiệp chè 12/9
20	Mô hình chè	5 ha	Hương Trà, Hương Khê	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Hương Khê, Chi cục TTBVTV	Xí nghiệp chè 20/4

<b>II Mô hình sản xuất hữu cơ trong lĩnh vực chăn nuôi</b>						
1	Xây dựng mô hình nuôi lợn theo hướng hữu cơ 12 mô hình, mỗi mô hình từ 100 – 500 con	3.080	Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Hương Sơn, Đức Thọ	Trung tâm Khuyến nông	UBND các huyện có mô hình/Chi cục CNTY	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ
2	Xây dựng mô hình bò theo hướng hữu cơ 07 mô hình, mỗi mô hình từ 10 - 80 con	470	Lộc Hà, Can Lộc, TP Hà Tĩnh và Đức Thọ	Trung tâm Khuyến nông	UBND các huyện có mô hình/Chi cục CNTY	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ
3	Xây dựng mô hình nuôi gà theo hướng hữu cơ 01 mô hình	2.000	Lộc Hà, Đức Thọ	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Lộc Hà, Đức Thọ/Chi cục CNTY	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ
4	Xây dựng mô hình nuôi hươu theo hướng hữu cơ 01 mô hình	500	Hương Sơn	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Hương Sơn/Chi cục CNTY	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ
5	Xây dựng mô hình nuôi dê theo hướng hữu cơ 01 mô hình	600	Hương Sơn	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Hương Sơn/Chi cục CNTY	Doanh nghiệp, HTX, HGĐ
<b>III Mô hình sản xuất hữu cơ trong lĩnh vực thủy sản: 05 mô hình</b>						
1	Mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến hữu cơ	01 ha/mô hình	Các huyện, thị xã ven biển và TP Hà Tĩnh	UBND các huyện, thị xã ven biển và TP Hà Tĩnh	Trung tâm Khuyến nông/Chi cục Thủy sản	Doanh nghiệp, HTX, Hộ gia đình trên địa bàn

**PHỤ LỤC 05**  
**KHUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

<b>TT</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Thời gian triển khai</b>	<b>Cơ quan chủ trì thực hiện</b>
1	Tuyên truyền các quy định, cơ chế chính sách và quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Thay đổi nhận thức về sản xuất truyền thống, tiến đến nền nông nghiệp hữu cơ an toàn, bền vững cho các đối tượng từ nhà quản lý, người sản xuất đến người tiêu dùng	2024-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sản xuất nông nghiệp hữu cơ; hướng dẫn các địa phương và cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh áp dụng các quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn nông nghiệp hữu cơ vào sản xuất nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường	Nâng cao kiến thức và triển khai thực hiện đúng về sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho các đối tượng được tập huấn	2024-2027	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố, thị xã
3	Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn	Nghị quyết chính sách được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành	2025	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Xác định vùng, đối tượng, quy mô sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn	Vùng, quy mô sản xuất cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi được xác định cụ thể trên địa bàn	2024-2028	UBND các huyện, thành phố, thị xã
5	Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị	Các mô hình được xây dựng đạt hiệu quả, có khả năng nhân rộng	2024-2028	UBND các huyện, thành phố, thị xã, Sở Nông nghiệp và PTNT
6	Kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng Trung tâm và hệ thống cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Doanh nghiệp đầu tư xây dựng trung tâm cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ hoạt động hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu	2024-2027	Sở Kế hoạch và Đầu tư

7	Xây dựng hệ thống kiểm soát chứng nhận nông nghiệp hữu cơ	Có đội ngũ tư vấn hoặc cộng đồng chứng nhận GPS	2025-2027	Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được sản xuất trên địa bàn; hỗ trợ kết nối, tiêu thụ, đưa sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào các kênh phân phối như siêu thị, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn ...	Các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ	2024-2030	Sở Công Thương
9	Xây dựng và vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, quản lý thông tin sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi sản xuất, cung ứng trên địa bàn	Các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc	2024-2030	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Xây dựng thương hiệu, hướng dẫn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng mã số, mã vạch và tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định	Các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được xây dựng thương hiệu	2024-2030	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Sản xuất nông nghiệp hữu cơ có ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm	2024-2030	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Xây dựng và hướng dẫn quy trình sản xuất hữu cơ các sản phẩm chủ lực	Các sản phẩm chủ lực được xây dựng quy trình sản xuất hữu cơ	2024-2026	Sở Nông nghiệp và PTNT
13	Kiểm soát chặt chẽ chất lượng các loại giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường; Kiểm tra, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và sản phẩm đã được chứng nhận hữu cơ theo quy định.	Các loại vật tư phục vụ sản xuất và sản phẩm thường xuyên được kiểm tra, giám sát chất lượng	2024-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT

14	<p>Tổ chức tập huấn, đào tạo các chương trình thúc đẩy chuyển đổi số và bán hàng hiệu quả trên sàn thương mại điện tử cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Góp phần nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hữu cơ, giảm thiểu chi phí, cải thiện chiến lược khách hàng, cải thiện hệ thống vận hành, phân tích và bảo mật dữ liệu tốt hơn, phân khúc thị trường chính xác, tăng tỷ lệ tiếp xúc khách hàng ở mọi lúc, mọi nơi,...</p>	2024-2030	Sở Thông tin và Truyền thông
----	---	---	-----------	------------------------------